

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 26/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Thị Hương – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2025, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/ TLST - DS ngày 18/11/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST - DS ngày 06/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (Seabank).

Trụ sở: 198 TQQ, phường L, quận HK, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Văn C, ông Trần Hải V - Chuyên viên xử lý nợ. Ông C có mặt, ông H vắng mặt

(Văn bản ủy quyền số 386/2024/UQ-Seabank ngày 30/9/2024)

*** Bị đơn:** Ông Triệu Vinh Q, sinh năm 1985 và bà Ngô Thị Phương T, sinh năm 1985. Ông Q, bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng ĐKKHKT tại: Tổ 07 (tổ 09 cũ), phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nông Văn C trình bày:

Ngày 03/02/2018, ông Triệu Vinh Q, bà Ngô Thị Phương T và Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Thái Nguyên đã ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần số 14611585.03.02.2018/HĐTD với nội dung như sau: Số tiền vay 670.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại; Thời hạn: 108 tháng kể từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/02/2027; Lãi suất cho vay trong

hạn: Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo biểu lãi suất cho vay đối với từng phân khúc khách hàng tại thời điểm giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm được áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngoài ra, ông Q, bà T còn có dư nợ thẻ tín dụng tại Seabank theo Đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ khoản vay mua ô tô tiêu dùng SEACAR và đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 02/02/2018.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ngày 05/02/2028 Seabank đã giải ngân cho ông Q, bà T 670.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản theo ủy nhiệm chi. Ông Q, bà T cũng đã sử dụng hết hạn mức thấu chi của thẻ tín dụng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORAD, số khung: 8PK0JH635380, số máy: HBG173191083, Biển kiểm soát: 20C-144.31 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039211 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02/02/2018 cho ông Triệu Vinh Q. Tài sản được thế chấp cho Seabank theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 14611585.03.02.2018/HĐTC, số công chứng: 602, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/02/2018, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Ngoài tài sản bảo đảm nêu trên, ông Q, bà T cam kết dùng các khoản thu nhập, tài sản khác của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Seabank.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Q, bà T đã trả cho ngân hàng tổng số tiền là 718.744.121, trong đó: nợ gốc là 406.765.171 đồng, nợ lãi trong hạn 309.752.809 đồng, nợ lãi quá hạn 2.226.141 đồng. Do ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo định kỳ cho Seabank nên khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 15/7/2023. Seabank đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng ông Q, bà T vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 24/02/2025, ông Triệu Vinh Q, bà Ngô Thị Phương T còn nợ Seabank số tiền của hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD là: 329.732.584 đồng (*trong đó: nợ gốc 263.234.829 đồng, nợ lãi trong hạn 45.428.412 đồng, lãi quá hạn 21.069.343 đồng*); Nợ của thẻ tín dụng là: 34.520.465 đồng (*trong đó: nợ gốc 22.563.101, lãi quá hạn 11.957.364 đồng*). Tổng cộng của hai khoản là: 364.253.049 đồng, trong đó: Nợ gốc là 285.797.930 đồng; Nợ lãi trong hạn là 45.428.412 đồng; Nợ lãi quá hạn là 33.026.707 đồng.

Tại phiên tòa, ông Cương đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T phải trả cho Seabank toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 24/02/2025 là 364.253.049 đồng (gồm cả gốc và lãi) theo hợp đồng tín dụng từng lần số 14611585.03.02.2018/HĐTD, giấy nhận nợ và đề nghị kiêm phát hành thẻ tín dụng. Trong trường hợp ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Seabank có quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORAD, BKS 20C-144.31, đăng ký xe mang tên Triệu Vinh Q để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Q, bà T phải tiếp tục trả cho Seabank các khoản tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn trên tổng số dư nợ gốc theo thỏa thuận

tại các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 25/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu số tiền phát mại tài sản vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được để thi hành án thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản, các nguồn thu khác của ông Q, bà T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T trong các bản tự khai và tại các phiên hòa giải ngày 05/12/2024, ngày 13/12/2024 trình bày:

Bà T, ông Q thừa nhận đã ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 14611585.03.02.2018/HĐTD ngày 03/02/2018 vay của Seabank số tiền 670.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua ô tô tải, nhãn hiệu: CHEVROLET, biển kiểm soát: 20C-144.31; Thời hạn vay 108 tháng kể từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/02/2027. Ngoài ra, ông Q, bà T còn ký đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ khoản vay mua ô tô tiêu dùng SEACAR và đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân ngày 02/02/2018. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là ô tô tải, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: COLORAD, Biển kiểm soát: 20C-144.31, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039211 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02/02/2018 cho ông Triệu Vinh Q.

Ngày 05/02/2018, ông Q và bà T đã được ngân hàng giải ngân số tiền là 670.000.000 đồng. Do có khó khăn nên ông, bà đã không trả được nợ cho ngân hàng từ năm 2023 đến nay. Quan điểm của ông, Quang, bà T là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Seabank và đề nghị được trả nợ theo 03 kỳ chậm, nhất đến 30/03/2025 sẽ trả hết. Trường hợp ông bà không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận thì đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát: 20C-144.31 để trả nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ ông, bà đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đề nghị hủy kết quả hòa giải thành ngày 13/12/2024. Các phiên hòa giải tiếp theo bà T, ông Q có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, vụ án phải đưa ra xét xử ngày hôm nay.

- Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/02/2025 là 364.253.049 đồng gồm nợ gốc và lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi trong hạn, lãi quá hạn trên tổng số nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trong trường hợp, ông Q, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mại tài sản bảo đảm của ông Q, bà T không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Q, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Seabank.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp theo quy định tại Điều 26, 35 BLTTDS; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng các đương sự trong vụ án quy định tại Điều 68 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại BLTTDS.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, buộc ông Q, bà T phải trả toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Q, bà T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên nên xác định là vụ án dân sự. Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Bị đơn ông Q, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á khởi kiện đề nghị ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 24/02/2025 là 364.253.049 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD ngày 03/02/2018 và đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân ngày 02/02/2018. Ngoài ra nguyên đơn còn đề nghị việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả được nợ và việc yêu cầu tiếp tục tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi bị đơn trả xong nợ.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Q, bà T trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Q, bà T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD, ngày 03/02/2018 và đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách

hàng cá nhân ngày 02/02/2018 là hợp pháp. Hình thức và các thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn đều đảm bảo theo quy định của BLDS năm 2015, Luật tổ chức tín dụng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông Q, bà T đã nhận được số tiền giải ngân là 670.000.000 đồng vào ngày 05/02/2018 bằng hình thức chuyển khoản và sử dụng hết định mức thấu chi của thẻ tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q, bà T đã trả cho ngân hàng số tiền là 718.744.121, trong đó: nợ gốc là 406.765.171 đồng, nợ lãi trong hạn 309.752.809 đồng, nợ lãi quá hạn 2.226.141 đồng. Do ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/7/2023. Tạm tính đến ngày 24/02/2025, ông Q, bà T còn nợ Seabank số tiền theo Hợp đồng tín dụng số: 14611585.03.02.2018/HĐTD là 329.732.584 đồng (*trong đó: nợ gốc 263.234.829 đồng, nợ lãi trong hạn 45.428.412 đồng, lãi quá hạn 21.069.343 đồng*); nợ của thẻ tín dụng là 34.520.465 đồng (*trong đó: nợ gốc 22.563.101, lãi quá hạn 11.957.364 đồng, lãi trong hạn không*). Tổng cộng của hai khoản vay trên là: 364.253.049 đồng, trong đó: Nợ gốc là 285.797.930 đồng, nợ lãi trong hạn: 45.428.412 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.026.707 đồng.

Bị đơn ông Q, bà T trong bản tự khai và phiên hòa giải ngày 05/12/2024, 13/12/2024 đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q, bà T phải trả cho Seabank tổng số tiền còn nợ, đồng thời buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên tổng số dư nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD và thẻ tín dụng, ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T thế chấp xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORAD, BKS 20C-144.31, đăng ký xe mang tên Triệu Vinh Q. Hiện nay xe đang do ông Q quản lý, sử dụng. Theo kết quả thẩm định ngày 13/12/2024 xe vẫn hoạt động bình thường, nhưng bề mặt sơn một số vị trí đã xuống cấp bong chóc, thùng hàng phía sau xuống cấp, bạc màu, lốp mòn, kém, gầm xe thước lái rơ giao do các rô tuyn mòn, kém. Chất lượng còn lại của xe khoảng 30% tương ứng số tiền 246.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thế chấp xe ô tô được các bên thực hiện tại Văn phòng công chứng phía nam thành phố đảm bảo theo quy định của Luật công chứng và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP hướng dẫn về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong quá trình ký kết. Bị đơn cũng đồng ý để ngân hàng phát mại tài sản khi không trả nợ theo cam kết. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 299, Điều 303 BLDS 2015.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định tài sản là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Seabank đề nghị ông Q, bà T phải hoàn trả tiền tạm ứng chi phí thẩm định cho ngân hàng. Tại phiên hòa giải ngày 13/12/2024, ông Q, bà T đồng ý trả số tiền này. Hội đồng xét xử nhận thấy, đề nghị của ông Cương là có căn cứ theo quy định tại Điều 157 BLTTDS nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Q, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 299, Điều 303 BLDS 2015; các Điều 12; 91; 94; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 41 đến Điều 46, Điều 48, Điều 50 Luật công chứng năm 2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Buộc ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đổ tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/02/2025 là 364.253.049 đồng, trong đó: Nợ gốc 285.797.930 đồng; Nợ lãi trong hạn 45.428.412 đồng; Nợ lãi quá hạn 33.026.707 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD ngày 03/02/2018 và đề nghị kèm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân ngày 02/02/2018.

Kể từ ngày 25/02/2025, ông Q, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên tổng số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 14611585.03.02.2018/HĐTD ngày 03/02/2018 và đề nghị kèm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân ngày 02/02/2018.

2. Về quyền xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Q, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng

TMCP Được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CO-LORAD, loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn trắng, số khung: 8PK0JH635380, số máy: HBG173191083, Biển kiểm soát: 20C-144.31 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039211 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02/02/2018 cho ông Triệu Vinh Q để thu hồi nợ.

3. Trường hợp, số tiền phát mại tài sản bảo đảm của ông Q, bà T không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Q, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết số nợ cho Ngân hàng.

4. **Về chi phí tố tụng khác:** Buộc ông Q và bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí thẩm định tài sản ngân hàng đã tạm ứng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. **Án phí:** Ông Triệu Vinh Q và bà Ngô Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước là 18.212.652 đồng, làm tròn là 18.213.000 đồng (*Mười tám triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.466.000 đồng theo biên lai số 0003475 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

6. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (ông Q, bà T) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các ĐS;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tứ Xuân